

Bản án số: 905/2024/HC-PT
Ngày: 23-08-2024
V/v khiếu kiện Quyết định hành chính
trong lĩnh vực quản lý đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Tuấn Vinh

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Thu Thủy

Ông Trần Văn Đạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Thủy Tiên – Thư ký viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh:
Ông Nguyễn Văn Đức - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số: 67/2024/TLPT-HC ngày 24 tháng 01 năm 2024 về “*Khởi kiện Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”.

Do bản án hành chính sơ thẩm số 174/2023/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2572/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 08 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:*

1. Ông Lê Quang T, sinh năm 1969; (Vắng mặt)

2. Bà Nguyễn Thị Tích T1, sinh năm 1971; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: số E V, phường C, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phan Thanh H, sinh năm 1973 và Ông Nguyễn Hà Tuấn T2, sinh năm 1988 (theo văn bản ủy quyền ngày 15/7/2024).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Trịnh Văn H1, sinh năm 1968; Luật sư Văn phòng L - Đoàn luật sư Thành phố H. Địa chỉ: số B đường M, phường A, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (Có mặt)

1. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân thành phố V.

Địa chỉ: số H L, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu;

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Huỳnh Anh T3 - Chuyên viên Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V. (Có mặt)

1. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

3.1 Ủy ban nhân dân Phường B, thành phố V.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Bùi Đức K – Phó chủ tịch; (Có mặt).

3.2 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai thành phố V;

Địa chỉ: I T, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: Ông Nguyễn Thanh H2-Viên chức Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V.

1. *Người kháng cáo:* Người bị kiện.

NỘI DUNG VỤ ÁN

1. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người khởi kiện, người đại diện theo ủy quyền trình bày:

Ngày 16/11/2022, ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T1 (gọi là ông bà) nhận được Thông báo số: 9767/TB-UBND đề ngày 01/11/2022 của UBND thành phố V, về việc thu hồi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340, do UBND thành phố V ngày 28/6/2013 cấp cho ông bà. Trong đó, căn cứ thu hồi là: *Kết luận thanh tra số 215/KL-UBND ngày 04/10/2017 của UBND thành phố V*, Ông bà cho rằng: Toàn văn kết luận 215 như trong thông báo trích dẫn thì không phải là kết luận thanh tra, mà là văn bản nội bộ của UBND thành phố V ban hành để làm căn cứ chỉ đạo cho nội bộ của UBND thành phố thực thi nhiệm vụ.

Bởi, khi ban hành văn bản này còn đóng dấu "Mật" và chỉ được giải "Mật" bằng văn bản số: 279/TB-UBND ngày 18/01/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V. Ông bà chỉ được biết tới văn bản này khi vụ kiện hành chính được tiến hành giải quyết theo đơn khởi kiện là ông bà và bên bị kiện là UBND thành phố V tại Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Vì vậy, ông bà đã có văn bản khiếu nại đối với nội dung của Thông báo số: 9767/TB-UBND đề ngày 01/11/2022 của UBND thành phố V, cho đến ngày 13/01/2023, ông bà đã nhận được Thông báo số: 11702/TB-UBND của UBND thành phố V ban hành ngày 29/12/2022, về việc thụ lý giải quyết lần đầu, cùng Quyết định số: 14466/QĐ-UBND của UBND thành phố V ban hành ngày 29/12/2023, về việc giao nhiệm vụ xác minh nội dung khiếu nại. Cho đến ngày 15/02/2023 Ông bà chưa nhận được kết quả giải quyết đơn khiếu nại của UBND thành phố V.

Tuy nhiên, sau đó vào ngày 17/01/2023 Ông bà lại nhận được Quyết định số: 14292/QĐ-UBND, của UBND thành phố V ban hành ngày 27 tháng 12 năm 2022, về việc thu hồi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số: BK 561340, do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho ông bà Lê Quang T - N tại Phường B, thành phố V.

Đối với GCNQSD đất số BK 561340, do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho Ông bà Lê Quang T – N tại Phường B, thành phố V, trước đây đã

có Quyết định số: 842/QĐ-UBND, ban hành ngày 01/3/2018 của UBND thành phố V, về việc thu hồi GCNQSD đất số BK 561340, do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013 (gọi tắt là *Quyết định số: 842*). Ông bà không chấp nhận nội dung của Quyết định nên đã khởi kiện vụ án tại Tòa án.

Việc khởi kiện với yêu cầu hủy Quyết định số: 842 về việc thu hồi GCNQSD đất số BK 561340, do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013, đã có kết quả cuối cùng là bản án phúc thẩm số: 31/2021/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên ngày 25/01/2021, chấp nhận yêu cầu của Ông bà là: "*Hủy Quyết định số: 842/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của UBND thành phố V, về việc thu hồi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340, do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013*".

Ngày 10/5/2021/TAND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu đã ban hành Quyết định số: 09/2021/QĐ-THA, nội dung buộc thi hành bản án hành chính trong đó nêu rõ:

" *Buộc thi hành án đối với: Ủy ban nhân dân T, địa chỉ: S L, Phường A, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.*

Nội dung phải thi hành: Hủy Quyết định số: 842/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của UBND thành phố V, về việc thu hồi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340, do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T1".

Nhưng đến ngày (15/02/2023), Ông bà vẫn chưa có thông tin cụ thể nào về việc UBND thành phố V đã thi hành theo nội dung của bản án phúc thẩm tuyên xử hay chưa? Cho nên, việc UBND thành phố V tiếp tục ban hành Quyết định số 14292/QĐ-UBND ngày 27/12/2022, để tiếp tục thu hồi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340, do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho Ông bà Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T1 là không tuân thủ quy định của pháp luật.

Đối với Quyết định số: 842 về việc thu hồi GCNQSD đất số BK 561340, chưa được thu hồi theo nội dung phán quyết của bản án phúc thẩm đã tuyên. Điều này có nghĩa rằng: Quyết định số: 842 về việc thu hồi GCNQSD đất số BK 561340, do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013 vẫn đang có hiệu lực, quyết định này đang xâm hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà.

Việc tiếp tục ban hành Quyết định số 14292 thu hồi GCNQSD đất số BK 561340, do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho ông T, bà T1, với cùng một căn cứ là kết luận số: 215/KL-UBND ngày 04/10/2017 của UBND thành phố V là không đúng Pháp luật.

Bởi trong Quyết định số: 842 về việc thu hồi GCNQSD đất số BK 561340, do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013, đã viện dẫn căn cứ để ban hành quyết định đã nêu rõ kết luận số: 215/KL-UBND ngày 04/10/2017 của UBND thành phố V và quyết định này đã bị hủy bỏ vì vi phạm cả nội dung và hình thức ban hành. Cho nên việc UBND thành phố V viện dẫn văn bản nội bộ để áp dụng đối với trường hợp của ông bà là không thỏa đáng và trái pháp luật.

Cho nên, cho đến nay (28/4/2023) lô đất của ông bà vẫn đang bị xâm hại bởi Quyết định số: 842, về việc thu hồi GCNQSD đất số BK 561340, do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013, đã bị tuyên hủy trong bản án phúc thẩm số: 31/2021/HC-PT của TAND cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên ngày 25/01/2021.

Về nguồn gốc sử dụng đất:

Ông bà đã nhận chuyển nhượng ngày 15/10/2002 của ông N, bà V (vợ ông N) toàn bộ diện tích đất cho ông bà sử dụng bằng giấy viết tay.

Trong quá trình sử dụng khu đất nêu trên từ năm 1975, ông N có khai phá thêm mảnh đất liền kề khoảng 7,455m², đắp kè để sử dụng và cất nhà tạm làm nơi cất dấu ngư cụ đánh bắt tôm, cá ven biển và trồng trọt một số cây lâu năm trên đất (Ngày 11/11/1975, ông N có đơn xin được đi chài cá dọc theo bờ biển quanh khu bãi chài do cha của ông khai thác tại khóm xóm lười,..). Năm 1995, ông N có đơn gửi các cơ quan chức năng xin đăng ký đất bổ sung phần diện tích đất đã khai phá thêm là khoảng 7.455m² và đã được U xác nhận, phòng địa chính kiểm tra và đề xuất Sở Địa Chính đăng ký bổ sung vào sổ bộ địa chính, tờ bản đồ số 10, thửa 8/17, diện tích với 3015m².

Vì vậy, trong giấy chuyển nhượng ông Nguyễn Thanh N1 có ghi diện tích chuyển nhượng khoảng ngang tính từ mép đường ra đến mé biên là 50m, chiều dài chạy dọc theo mé biên là 150m. Như vậy, phần đất ông N1 chuyển nhượng cho ông bà chính là phần đất ông N1 khai phá thêm và đã có đơn đăng ký bổ sung năm 1995. Không phải là phần đất đã bị giải tỏa khi làm đường H vì đường H được hoàn thành cũng vào năm 1995.

Ông bà, sử dụng khu đất liên tục từ năm 2002 và không có tranh chấp với ai trong suốt quá trình sử dụng. Cho nên, vào ngày 13 tháng 01 năm 2010, ông bà đã nộp hồ sơ xin cấp GCNQSD đất và quyền sở hữu nhà, quá trình xem xét cấp GCNQSD đất đã kéo dài từ năm 2010 đến ngày 26 tháng 8 năm 2013, trải qua rất nhiều thủ tục và trình tự đúng theo quy định của Luật Đất đai vào thời điểm lập hồ sơ và cấp GCNQSD đất cho gia đình ông bà.

Vì vậy, việc UBND thành phố V ban hành Quyết định số 14292/QĐ-UBND ngày 27/12/2022, để thu hồi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340, do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013 là trái với quy định của Pháp luật, đồng thời đã xâm hại nghiêm trọng quyền và lợi ích hợp pháp của ông bà.

Ông Lê Quang T và bà Nguyễn Thị Tích T1 yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 14292/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340, do ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T1;
- Hủy Thông báo số 9767/TB-UBND' của ủy ban nhân dân thành phố V ban hành ngày 01/11/2022 về việc thu hồi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở

và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340, do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho ông Lê Quang T4, bà Nguyễn Thị Tích T1.

2. Quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án, người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V trình bày:

Xét Báo cáo số 3220/BC-TNMT ngày 18/7/2023 của Phòng T6, UBND thành phố V có ý kiến như sau:

Bản án phúc thẩm số 31/2021/HC-PT ngày 25/01/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

“Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T1 đối với Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 01-3-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340 do UBND thành phố V cấp ngày 28-6-2013 cho ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T1.

Hủy Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 01-3-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340 do UBND thành phố V cấp ngày 28-6-2013 cho ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T1.

Buộc Ủy ban nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật”.

Ngày 30/7/2021, UBND thành phố V ban hành Thông báo số 5378/TB-UBND về việc tổ chức thực hiện Bản án hành chính phúc thẩm số 31/2021/HC-PT ngày 25/01/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của UBND thành phố V về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất số BK 561340 do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho ông T, bà T1 đã bị hủy theo án tuyên.

Căn cứ Bản án hành chính phúc thẩm số 31/2021/HC-PT ngày 25/01/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh; Kết luận Thanh tra số 215/KL-UBND ngày 04/12/2017 của UBND thành phố V, ngày 01/11/2022 UBND thành phố V ban hành Thông báo số 9767/TB-UBND thông báo thu hồi giấy chứng nhận để ông T, bà T1 theo quy định tại Điểm 56 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP của Chính phủ để ông T, bà T1 được rõ.

Ngày 27/12/2022, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 14292/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340 do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho ông T, bà T1 tại Phường B, thành phố V (gọi tắt là *Quyết định số: 14292*) với lý do: GCNQSD đất đã cấp nêu trên không đúng nguồn gốc sử dụng đất. Do đó thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, khoản 26 Điều 1 Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định việc sửa đổi, bổ sung

khoản 4 và khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.

Theo kết quả điều tra xác minh của Công an thành phố V cũng như các chứng cứ, tài liệu thu thập được khẳng định nguồn gốc phần diện tích đất ông Lê Quang T được UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận số BK 561340 ngày, 28/6/2013 là do ông Nguyễn Thanh N1 lấn, chiếm từ đất thuộc mặt nước biển vào khoảng thời gian năm 2000, sau khi đường H thi công xong. Bởi toàn bộ diện tích đất có nguồn gốc ông Nguyễn Văn H3 sử dụng trước năm 1975 đã chuyển quyền sử dụng đất cho ông Phùng Mạnh H4 đứng tên và sau này thu hồi làm đường H nên không còn.

Như vậy, do là đất lấn, chiếm từ đất chưa sử dụng nên tại thời điểm năm 2013, việc công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận cho ông Lê Quang T phải căn cứ khoản 6 Điều 50 Luật Đất đai 2003, Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 15/5/2007 của Chính phủ để giải quyết. Hệ quả của việc áp dụng các điều luật này là phải xét tới tình trạng quy hoạch hiện tại tại thửa đất cũng như nghĩa vụ tài chính mà ông T phải thực hiện với Nhà nước theo quy định của pháp luật về tài chính đất đai.

Việc ông T kê khai nguồn gốc đất trong đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận có nguồn gốc từ đất ông Nguyễn Văn H3 sử dụng trước năm 1975 là không đúng và đây là lỗi của chính ông T. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới việc các cơ quan tham mưu UBND thành phố V khi giải quyết hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất cho ông T áp dụng khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai 2003, Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ là không đúng pháp luật.

Trường hợp sau này ông T, bà T1 vẫn còn nhu cầu sử dụng đất thì phải kê khai lại hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất nêu trên và khi đó các cơ quan chức năng sẽ xem xét theo quy định pháp luật về đất đai hiện hành.

Từ kết quả thẩm tra nêu trên, việc UBND thành phố V ban hành Quyết định số 14292/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 về việc thu hồi hủy bỏ GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340 do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013 là cần thiết, phù hợp quy định pháp luật.

Do đó, Ủy ban nhân dân thành phố V đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T, bà T1 nêu trên.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan Chi nhánh Văn phòng Đ trình bày:

1. *Hồ sơ về nguồn gốc, quá trình quản lý nhà nước qua các thời kỳ đối với diện tích đất khoảng 2.586,6m² thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 63 tại Phường B, thành phố V:*
 - Về nguồn gốc, quá trình quản lý nhà nước qua các thời kỳ: Chi nhánh chỉ quản lý, sử dụng hồ sơ địa chính về đất đai được lập qua các thời kỳ (Bản đồ, sổ địa chính, sổ mục kê), không trực tiếp quản lý về mặt Nhà nước đối

với diện tích đất trên nên không có ý kiến gì về nội dung này. Đề nghị Tòa án lấy ý kiến UBND cấp xã nơi có đất và các đơn vị có liên quan.

- Về hồ sơ địa chính qua các thời kỳ tại Chi nhánh đang sử dụng thể hiện thông tin như sau:

+ Hồ sơ địa chính năm 1993: Diện tích đất trên thuộc một phần thửa đất số 08, tờ bản đồ số 10, diện tích 8.455,0m² loại đất “Hg”.

+ Hồ sơ địa chính năm 2002: Diện tích đất trên thuộc tờ bản đồ số 63, các thửa đất số: Thửa đất số 02, diện tích 2.889,2m² loại đất “XD” đứng tên UBND Phường 1; Thửa đất số 10, diện tích 9.295,4m² loại đất “CD” đứng tên UBND Phường 1.

+ Hồ sơ địa chính năm 2015: Diện tích đất trên thuộc một phần thửa đất số 17, tờ bản đồ số 101, diện tích 24.523,0m², loại đất “SKC”, đứng tên Công ty cổ phần du lịch tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

- Về hồ sơ đăng ký cấp GCNQSD đất của ông T, bà T1 đối với diện tích đất khoảng 2.586,6m² thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 63 tại Phường B, thành phố V:

Ngày 13/01/2010, Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V (nay là Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố V) tiếp nhận hồ sơ đăng ký, cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông T, bà T1 đối với thửa đất số 10/27 (một phần thửa số 08 cũ), tờ bản đồ số 62 (tờ số 10 cũ), tại Phường B, thành phố V. Theo đó, ông T, bà T1 đề nghị cấp GCNQSD đất đối với phần diện tích theo kê khai là 7.455,0m².

+ Theo ý kiến xác nhận của B trong đơn đăng ký, cấp Giấy chứng nhận ngày 29/11/2010 thể hiện nguồn gốc thửa đất như sau: “Đất của ông, Lê Quang T sử dụng thuộc thửa đất số 08 (mới 10/27), tờ bản đồ 10 (mới 63), tổng diện tích 7.455,0m², diện tích đo vẽ lại là 7.108,5m² có nguồn gốc, quá trình sử dụng như sau: Đất do ông Nguyễn Thành N2 khai phá và sử dụng từ trước năm 1975 và có xây dựng một căn nhà tạm, sử dụng ổn định qua các thời kỳ, có các biên bản các cuộc họp và làm việc công nhận (có các biên bản kèm theo). Trong quá trình sử dụng, ông N2 làm nghề ngư, gia đình khó khăn nên lúc đó không quan tâm nắm bắt kịp thời chính sách của Nhà nước về đất đai nên qua hai lần đo đạc, đăng ký năm 1993 và năm 2001 cũng như đóng thuế sử dụng đất ông không thực hiện. Đến ngày 15/10/2002 ông Nguyễn Thành N2 đã sang nhượng thành quả lao động cũng như toàn bộ diện tích đất nói trên cho ông Nguyễn Quang T5 (có giấy sang nhượng và xác nhận của tổ dân phố số 1 kèm theo). Theo Công văn số 2236/CCT-NVDT của Chi cục Thuế thành phố V ngày 27/11/2009 hướng dẫn ông T5 đã nộp thuế từ năm 1993 đến năm 2009 toàn bộ diện tích (450, 0m² đất ở và 7.005, 0m² đất nông nghiệp). Căn cứ vào ý kiến trả lời của U và các biên bản lấy ý kiến khu dân cư, các ý kiến của những người sống lâu năm ở khu vực, bản niêm yết ở Phường B. Đồng thời đất sử dụng ổn định không tranh chấp. B kính chuyển Phòng T6 xem xét, cấp GCNQSD đất cho ông T5”.

Quá trình thẩm tra hồ sơ, do hồ Sơ có nhiều tình tiết phức tạp, ông T5 không thực hiện nghĩa vụ thuế đầy đủ cho Nhà nước, quá trình sử dụng không kê khai đầy đủ thông tin trong hồ sơ qua các thời kỳ, hiện trạng sử dụng là đất trống (không có nhà) nên Chi nhánh đã có Báo cáo số 126/BC-VPĐKQSDĐ ngày 25/01/2011 gửi Phòng T6. Xét thấy vị trí thửa đất xin cấp Giấy chứng nhận có tính chất phức tạp nên Phòng T6 đã tham mưu cho UBND thành phố V ban hành Quyết định số 345/QĐ-UBND ngày 23/3/2011 về việc thành lập Đoàn kiểm tra xác minh hồ sơ cấp Giấy chứng nhận của ông Lê Quang T. Sau thời gian kiểm tra, xác minh, Đoàn kiểm tra đã có Báo cáo số 931/BC- ĐTTr ngày 08/7/2011 gửi UBND thành phố V. Tại báo cáo phiếu lấy ý kiến khu dân cư về nguồn gốc và thời điểm này, Đoàn kiểm tra kết luận: “*B đã lập danh sách công khai và tổ chức xác minh, lập hợp xin cấp giấy của ông T, kết quả xác định ông T có đủ điều kiện cấp giấy đối với diện tích 7.467, 1m² đất nêu trên là đúng quy định của pháp luật. Với kết quả thẩm tra, xác minh, căn cứ quy định của pháp luật, Đoàn kiểm tra xác định thửa đất ông Lê Quang T xin Cấp giấy chứng nhận đã được sử dụng trước ngày 15/10/1993, thể hiện có quá trình sử dụng đất ổn định, liên tục, có ranh giới rõ ràng và không có tranh chấp nên có cơ sở để xem xét cấp giấy chứng nhận theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai*”. Và kiến nghị: Từ những vấn đề trên, Đoàn kiểm tra UBND thành phố V: “*Ban hành Thông báo kết luận kiểm tra đối với trường hợp sử dụng đất diện tích 7.467, 1m² đất của ông Lê Quang T tại số A, đường H, Phường B, thành phố V đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận QSD đất, QSH nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất, giao Văn phòng Đăng ký Quyền sử dụng đất thành phố V lập thủ tục trình UBND thành phố V cấp Giấy chứng nhận cho ông Lê Quang T*”.

Xét Báo cáo của Đoàn kiểm tra, UBND thành phố V đã tổ chức cuộc họp xem xét việc cấp Giấy chứng nhận của ông Lê Quang T và đồng thời có văn bản số 157/UBND-TNMT ngày 26/9/2011 gửi Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B báo cáo, xin ý kiến về cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Lê Quang T, tại số A, đường H, Phường B, thành phố V. Ngày 18/10/2011, Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B có Văn bản số 1929/STN&MT-QLĐĐ ý kiến về việc cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Lê Quang T, tại số A, đường H, Phường B, thành phố V.

Theo đó, Sở T có ý kiến “*Nếu việc sử dụng đất của ông Lê Quang T thỏa mãn các điều kiện được quy định tại khoản 3 Điều 49 và khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003, khoản 1, khoản 2 Điều 14 và khoản 1 Điều 11 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP ngày 25/05/2007 của Chính Phủ; Điều 7 Nghị định số 88/2009/NĐ-CP ngày 19/10/2009 của Chính Phủ thì người sử dụng đất đủ điều kiện cấp GCNQSD đất*”. Trên cơ sở ý kiến của Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B tại Văn bản số 1929/STN&MT-QLĐĐ ngày 18/10/2011; Phòng T6 đã Báo cáo UBND thành phố V đối với hồ sơ cấp Giấy chứng nhận của ông Lê Quang T.

Ngày 02/02/2012, UBND thành phố V đã tổ chức cuộc họp xem xét việc cấp giấy chứng nhận cho ông Lê Quang T và ban hành Thông báo số 164/TB-UBND ngày 08/5/2012 về việc kết luận cuộc họp và xem xét việc ông Lê Quang T cấp Giấy chứng nhận tại Phường B, thành phố V. Ngày 27/5/2013, Phòng T6 có Báo cáo số 875/BC TNMT gửi UBND thành phố V và kiến nghị UBND thành phố V báo cáo Ban T7 cho ý kiến chỉ đạo.

Ngày 03/6/2013, UBND thành phố V có Công văn số 2116/UBND-TNMT báo cáo Ban thường vụ Thành ủy Vũng Tàu. Ngày 24/6/2013, Thường trực Thành ủy Vũng Tàu đã tổ chức cuộc họp để xem xét, đồng thời ra Thông báo số 281-TB/TU ngày 25/6/2013 kết luận cuộc họp, theo đó: “Thường trực Thành ủy giao UBND thành phố V xem xét nếu hội đủ điều kiện theo quy định của Pháp luật như đã nêu trong Báo cáo thì giải quyết việc cấp GCNQSD đất cho ông Lê Quang T”.

Thực hiện Thông báo kết luận nói trên của Thường trực Thành ủy, ngày 27/6/2013, UBND thành phố V có Công văn số 2534/UBND-VP chỉ đạo: “Giao phòng Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với cơ quan có liên quan tham mưu UBND Thành phố thực hiện chỉ đạo của Thường trực tại mục 3 của Thông báo nêu trên. Thời gian hoàn thành yêu cầu trước ngày 05/7/2013”.

Ngày 27/6/2013, Phòng T6 có Phiếu đề xuất về việc giải quyết hồ sơ cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông T, tại số A, đường H, Phường B, thành phố V, theo đó Phòng T6 có ý kiến như sau: “Phần diện tích 2.585,6m² còn lại, theo kết quả kiểm tra của Đoàn Kiểm tra, sự xác nhận của U và U1; Báo cáo thẩm tra của Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thành phố V mặc dù diện tích đất này chưa được ông T (trước đó là ông N) kê khai trên hồ sơ địa chính do sự nhận thức, không am hiểu pháp luật và ông N vốn là ngư dân sống xa khu dân cư tập trung nhưng thực tế đã sử dụng diện tích đất này từ trước ngày 15/10/1993 để trồng cây lâu năm như xoài, bàng, dứa..là đúng thực tế, có bà con sinh sống lâu năm tại khu vực này xác nhận.

Trong quá trình sử dụng đất của ông N, sau là ông T không có văn bản ngăn chặn của cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Do vậy, đủ điều kiện cấp GCNQSD đất theo quy định tại khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 4 Điều 3 và khoản 2 Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ” Căn cứ theo ý kiến của Thường trực Thành ủy; Ý kiến của UBND thành phố V và nội dung ý kiến đề xuất của Phòng T6 nêu trên; Chi nhánh đề xuất giải quyết hồ sơ cấp Giấy chứng nhận của ông T, bà T1 với diện đủ điều kiện xem xét cấp Giấy chứng nhận là 2.585,6m² đất trồng cây lâu năm.

Ngày 28/6/2013, Phòng Tài nguyên và Môi trường có Tờ trình số 2300/TTr- TNMT về việc cấp GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất. Ngày 28/6/2013, UBND thành phố V ký cấp GCNQSD đất số BK 561340 với diện tích 2.585,6m² đất trồng cây lâu năm thuộc thửa đất số 27, tờ bản đồ số 63 tại Phường B, thành phố V cho ông T, bà T1.

Như vậy trước đây, Chi nhánh đã tham mưu giải quyết hồ sơ cấp GCNQSD đất của ông T, bà T1 tại Phường B, thành phố V là đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật tại điểm a khoản 2 Điều 136 Nghị định số 181/2004/ND-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ.

1. *Về văn bản ý kiến yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang T và bà Nguyễn Thị Tích T:*

Ông T2, bà T3 khởi kiện Quyết định số 1492/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340 do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho ông T2, bà T3 nên Chi nhánh không có ý kiến yêu cầu khởi kiện của ông T2, bà T3 về Quyết định nêu trên của UBND thành phố V.

4. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ủy ban nhân dân Phường U1, thành phố V trình bày:

Qua rà soát hồ sơ, U1 có ý kiến như sau:

Bản án phúc thẩm số 31/2021/HC-PT ngày 25/01/2021, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên:

“Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T đòi với Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 01-3-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340 do UBND thành phố V cấp ngày 28-6-2013 cho ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T.

Hủy Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 01-3-2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340 do UBND thành phố V cấp ngày 28-6-2013 cho ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T.

Buộc Ủy ban Nhân dân thành phố V thực hiện nhiệm vụ theo quy định pháp luật”.

Ngày 30/7/2021, UBND thành phố V ban hành Thông báo số 5378/TB-UBND về việc tổ chức thực hiện Bản án hành chính phúc thẩm số 31/2021/HC-PT ngày 25/01/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, Quyết định số 842/QĐ-UBND ngày 01/3/2018 của UBND thành phố V về việc thu hồi, hủy bỏ GCNQSD đất số BK 561340 do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T đã bị hủy theo án tuyên.

Căn cứ Bản án hành chính phúc thẩm số 31/2021/HC-PT ngày 25/01/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh; Kết luận Thanh tra số 215/KL- UBND ngày 04/12/2017 của UBND thành phố V, ngày 01/11/2022 UBND thành phố V ban hành Thông báo số 9767/TB-UBND thông báo thu hồi giấy chứng nhận để ông T2, bà T3 theo quy định tại Điểm 56 Điều

2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ đề ông T2, bà T3 được rõ.

Ngày 27/12/2022, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 14292/QĐ-UBND về việc thu hồi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340 do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho ông T2, bà T3 tại phường B, thành phố V với lý do: GCNQSD đất đã cấp nêu trên không đúng nguồn gốc sử dụng đất. Do đó thuộc trường hợp phải thu hồi Giấy chứng nhận đã cấp theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, khoản 26 Điều I Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ quy định việc sửa đổi, bổ sung khoản 4 và khoản 5 Điều 87 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP của Chính phủ.

Theo kết quả điều tra xác minh của Công an thành phố V cũng như các chứng cứ, tài liệu thu thập được khẳng định nguồn gốc phần diện tích đất ông T2 được UBND thành phố V cấp giấy chứng nhận số BK 561340 ngày 28/6/2013 là do ông Nguyễn Thanh N1 lấn, chiếm từ đất thuộc mặt nước biển vào khoảng thời gian năm 2000, sau khi đường H thi công xong. Bởi toàn bộ diện tích đất có nguồn gốc ông Nguyễn Văn H sử dụng trước năm 1975 đã chuyển quyền sử dụng đất cho ông Phùng Mạnh H1 đứng tên và sau này thu hồi làm đường H nên không còn nữa.

Như vậy, do là đất lấn, chiếm từ đất chưa sử dụng nên tại thời điểm năm 2013, việc công nhận quyền sử dụng đất và cấp giấy chứng nhận cho ông Lê Quang T phải căn cứ khoản 6 Điều 50 Luật Đất đai 2003, Điều 15 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ để giải quyết. Hệ quả của việc áp dụng các điều luật này là phải xét tới tình trạng quy hoạch hiện tại tại thửa đất cũng như nghĩa vụ tài chính mà ông T2 phải thực hiện với Nhà nước theo quy định của pháp luật về tài chính đất đai.

Việc ông T2 kê khai nguồn gốc đất trong đơn đề nghị cấp giấy chứng nhận có nguồn gốc từ đất ông Nguyễn Văn H2 sử dụng trước năm 1975 là không đúng và đây là lỗi của chính ông T2. Đây là một trong những nguyên nhân dẫn tới việc các cơ quan tham mưu UBND thành phố V khi giải quyết hồ sơ đề nghị cấp GCNQSD đất cho ông T2 áp dụng khoản 4 Điều 50 Luật Đất đai 2003, Điều 14 Nghị định số 84/2007/NĐ-CP của Chính phủ là không đúng pháp luật.

Trường hợp sau này ông T2, bà T3 vẫn còn nhu cầu sử dụng đất thì phải kê khai lại hồ sơ đề nghị cấp giấy chứng nhận đối với diện tích đất nêu trên và khi đó các cơ quan chức năng sẽ xem xét theo quy định pháp luật về đất đai hiện hành.

Từ kết quả thẩm tra nêu trên, việc UBND thành phố V ban hành Quyết định số 14292/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 về việc thu hồi hủy bỏ GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340 do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013 là cần thiết, phù hợp quy định pháp luật. Do đó, U1 đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T2, bà T3 nêu trên.

Do điều kiện không thể tham gia tố tụng vụ án, Ủy ban nhân dân Phường U1 xin vắng mặt trong các buổi làm việc và tham dự phiên tòa xét xử vụ án nêu trên.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 174/2023/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2023, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu đã quyết định:

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 105 Luật đất đai năm 2003. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Q.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T:

- Huỷ Quyết định số 14292/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340, do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T tại Phường B, thành phố V.

- Huỷ Thông báo số 9767/TB-UBND ngày 01/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340, do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T tại Phường B, thành phố V.

Ngoài ra, bản án còn quyết định về án phí, quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 14-12-2023, người bị kiện kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm người bị kiện giữ nguyên nội dung kháng cáo và trình bày:

Các tình tiết chứng cứ sau khi rà soát lại thể hiện UBND thành phố V công nhận và cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Quang T4 với nguồn gốc do ông Nguyễn Văn H2 sử dụng từ trước 1975 là chưa phù hợp thực tế sử dụng đất. Do đất có nguồn gốc lấn chiếm từ đất chưa sử dụng nên việc cấp Giấy chứng nhận QSD đất phải căn cứ quy định tại khoản 4, Điều 50 Luật đất đai 2015, Điều 15 nghị định 84/2007 của Chính phủ. Do đó UBND thành phố V ban hành quyết định số 14292/QĐ-UBND thu hồi GCNQSD đất số BK 561340 ngày 28/6/2013 là có căn cứ. Đề nghị sửa án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Đại diện người khởi kiện cùng luật sư bảo vệ quyền lợi trình bày:

Việc cấp GCNQSD đất cho vợ chồng ông T2 là đúng trình tự, phù hợp quy định của Pháp luật. UBND thành phố V không có chứng cứ thể hiện phần đất trước đây của gia đình ông N1 đã bán hết cho ông Phùng Mạnh H1 và sau đó toàn bộ phần đất này đã bị thu hồi để làm đường H. Từ đó phía Ủy ban suy ra phần đất hiện có và được cấp là lấn chiếm từ sau năm 2000 và ra quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp là không có căn cứ. Đề nghị không chấp nhận kháng cáo và giữ nguyên án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát trình bày quan điểm:

Về tố tụng: Chủ tọa, Hội đồng xét xử và các đương sự đã tuân thủ đầy đủ quy định của Luật Tố tụng hành chính.

Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía người khởi kiện và phía Ủy ban xác định sau khi có bản án phúc thẩm, Ủy ban chưa thu hồi Quyết định 842 để thực hiện bản án phúc thẩm, đồng thời sau khi xét xử phúc thẩm bản án số 06/2024/HC-GĐT ngày 15/4/2024 của Tòa án nhân dân Tối cao đã hủy bản án Phúc thẩm giữ nguyên án sơ thẩm, như vậy hiện nay quyết định 842 vẫn có hiệu lực. Quyết định số 14292/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của UBND thành phố V đã thu hồi lần thứ 2 đối với GCN quyền sử dụng đất cấp cho vợ chồng ông T2, do đó đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo, giữ nguyên án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của người bị kiện làm trong hạn luật định và hợp lệ nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét nội dung kháng cáo:

[2.1] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Lê Quang T và bà Nguyễn Thị Tích T khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Hủy Quyết định số 14292/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSD đất), quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340, do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T, (gọi tắt là *Quyết định số 14292*).
- Hủy Thông báo số 9767/TB-UBND ngày 01/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi GCNQSD đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340, do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T, (gọi tắt là *Thông báo số 9767*).

Xét thấy, các yêu cầu trên là đối tượng khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

[2.2] Về thời hiệu khởi kiện, phạm vi xem xét:

Ngày 03/3/2023, ông Lê Quang T và bà Nguyễn Thị Tích T nộp đơn khởi kiện đối với Quyết định số 14292 và ngày 09/5/2023 nộp đơn khởi kiện bổ sung với Thông báo số 9767, là còn trong thời hiệu theo khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

Quá trình giải quyết tranh chấp hành chính đối với việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK56130 do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho vợ chồng ông Lê Quang T:

Ngày 01/3/2018 UBND thành phố V ban hành quyết định 842/QĐ-UBND thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nói trên. Phía vợ chồng ông T2, bà T3 đã khởi kiện hành chính yêu cầu hủy quyết định thu hồi nói trên tại Tòa án.

Bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu quyết định không chấp nhận yêu cầu của ông T2, bà T3.

Tại bản án phúc thẩm số 31/2021/HC-PT của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh đã sửa án sơ thẩm và chấp nhận yêu cầu của ông T2, bà T3 về việc hủy quyết định thu hồi số 842/QĐ-UBND.

Ngày 1/11/2022 UBND thành phố V tiếp tục ban hành thông báo số 9767 về việc thu hồi GCN QSD đất và ngày 27/12/2022 UBND thành phố V ban hành quyết định 14292/QĐ-UBND thu hồi GCN quyền sử dụng đất số BK56130 do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cấp cho ông Lê Quang T và bà Nguyễn Thị Tích T.

Ông T2, bà T3 tiếp tục khởi kiện hành chính yêu cầu hủy hai văn bản hành chính nói trên của UBND thành phố V.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 174/2023/HC-ST ngày 21/11/2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu quyết định chấp nhận yêu cầu của ông T2, bà T3.

Tại quyết định Giám đốc thẩm số 06/2024 ngày 15/4/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quyết định:

Hủy bản án hành chính phúc thẩm số 31/2022/HC-PT ngày 25/1/2021 của Tòa án nhân dân cấp cao tại thành phố Hồ Chí Minh, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 16/2020/HC-ST ngày 09/6/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Tại phiên tòa phúc thẩm, phía Ủy ban xác nhận chưa thu hồi thông báo 842, như vậy tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 842/QĐ-UBND có hiệu lực kể từ ngày ban hành quyết định là ngày 1/3/2018. Thông báo số 9767 và quyết định số 14292 về việc thu hồi Giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất của ông T2, bà T3 (lần 2) nói trên là không còn đối tượng bị thu hồi (GCNQSD đất số BK56130).

Như nhận định trên, do đối tượng bị thu hồi không còn, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người bị kiện và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm về việc hủy Thông báo số 9767 và quyết định 14292 về thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BK56130 do UBND thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cấp cho ông Lê Quang T và bà Nguyễn Thị Tích T.

[3] Do không được chấp nhận kháng cáo, người bị kiện phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính;

Không chấp nhận kháng cáo của UBND thành phố Vũng T, giữ nguyên bản án hành chính sơ thẩm số 174/2023/HC-ST ngày 21 tháng 11 năm 2023 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Căn cứ: Điểm b khoản 2 Điều 193 Luật tố tụng hành chính;

Áp dụng: Khoản 1 Điều 105 Luật đất đai năm 2003. Khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban thường vụ Q.

1. Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T:

- Huỷ Quyết định số 14292/QĐ-UBND ngày 27/12/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340, do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T tại Phường B, thành phố V.

- Hủy Thông báo số 9767/TB-UBND ngày 01/11/2022 của Ủy ban nhân dân thành phố V về việc thu hồi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BK 561340, do Ủy ban nhân dân thành phố V cấp ngày 28/6/2013 cho ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T tại Phường B, thành phố V.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm: Ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T không phải nộp. Trả lại 300.000 đồng cho ông Lê Quang T, bà Nguyễn Thị Tích T tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số 0000602 đã nộp ngày 22/3/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu. Ủy ban nhân dân thành phố V phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Án phí hành chính phúc thẩm: UBND thành phố V phải chịu 300.000 đ, khấu trừ số tiền đã nộp tại Biên lai thu số 0000146 ngày 20-12-2023 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- TAND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- TAND tỉnh BR-VT;
- VKSND tỉnh BR-VT;
- Cục THADS tỉnh BR-VT;
- Đương sự;
- Lưu HS, VT.

Dương Tuấn Vinh

